

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Thái Sơn

Thư ký phiên họp: Bà Phan Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên họp: Bà Trần Thị Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 01/2020/TLST - HNGĐ ngày 10/3/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và thỏa thuận nuôi con chung theo Quyết định mở phiên họp số: 1185/2020/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Ngọc A, sinh năm 1982, địa chỉ trước khi xuất cảnh: Tổ dân phố A, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; hiện trú tại: Cộng hòa Ba Lan; có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Ba Lan.

- Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1984, địa chỉ: Thôn M, xã Ph, huyện T, tỉnh Quảng Bình; có đơn xin giải quyết vắng mặt có xác nhận của UBND xã Ph, huyện T, tỉnh Quảng Bình.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, chị Phạm Thị Thu H và anh Lê Ngọc A trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Quá trình chung sống vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, vợ chồng bàn bạc để anh A đi xuất khẩu lao động tại Ba Lan nhằm kiếm thêm thu nhập cho gia đình. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường liên lạc, sau đó vợ chồng bắt đầu quan điểm và không tin tưởng lẫn nhau, mặc dù hai bên thông cảm và bỏ qua cho nhau nhưng vẫn không khắc phục được. Tình cảm vợ chồng không còn và không thể hàn gắn nên cả hai bên thỏa thuận đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 đứa con chung tên Lê Thảo Nh, sinh ngày 19/9/2018, ly hôn hai bên thỏa thuận giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi

dưỡng, anh Lê Ngọc A tự nguyện đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình: Đề nghị Tòa án áp dụng các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình: công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng, anh A đóng góp tiền nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét; các đương sự phải chịu lệ phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H có xác nhận của Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan thì đây là việc dân sự có yếu tố nước ngoài nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự, anh A làm đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, bản tự khai và đơn xin vắng mặt được Đại sứ quán Việt Nam tại Cộng hòa Ba Lan xác nhận ngày 24/02/2020 và chị Phạm Thị Thu H có đơn xin giải quyết vắng mặt có xác nhận của chính quyền địa phương nên Tòa án mở phiên họp giải quyết vắng mặt theo quy định tại khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2018 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo đúng quy định của pháp luật. Vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do hoàn cảnh kinh tế khó khăn, anh A đi làm ăn ở nước ngoài nhưng vợ chồng không thông cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống, dẫn đến cuộc sống xảy ra nhiều mâu thuẫn. Hiện tại tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị đã thỏa thuận ly hôn. Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H.

[2.2] Về con chung: có 01 đứa con chung tên Lê Thảo Nh, sinh ngày 19/9/2018, hai bên thỏa thuận giao con cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc A tự nguyện đóng góp phí tổn nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình cần được chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[3] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Thu H chịu nộp 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm và anh A phải chịu nộp 150.000 đồng lệ phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của khoản 2 Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29, khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 149, Điều 370, Điều 371 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Ngọc A và chị Phạm Thị Thu H.

2. Về con chung: giao con chung tên Lê Thảo Nh, sinh ngày 19/9/2018 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Lê Ngọc A có trách nhiệm đóng góp cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng kể từ tháng 9/2020 cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Không ai được ngăn cản quyền gặp gỡ, thăm và chăm sóc con chung, khi cần thiết một trong hai bên có đơn yêu cầu thay đổi quyền nuôi con hoặc thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về lệ phí ly hôn sơ thẩm: chị Phạm Thị Thu H chịu nộp toàn bộ 300.000 đồng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số 0007859 ngày 06/3/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Lệ phí cấp dưỡng nuôi con: anh Lê Ngọc A phải chịu nộp 300.000 đồng.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Sở Tư pháp Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Đảng Công TTĐTTA;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa DS, VP.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(đã ký)

Nguyễn Thái Sơn